

# XU HƯỚNG QUỐC TẾ HÓA CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM THAM NHŨNG

PHẠM VIỆT NGHĨA\* - PHẠM TRUNG ĐỨC\*\* - ĐỖ THANH PHONG\*\*\*

*Tóm tắt: Các xu hướng hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự (PLHS) Việt Nam về tội phạm tham nhũng (TPTN) được xây dựng dựa trên các nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, quốc tế hóa đã trở thành một nhân tố chủ đạo và là một xu hướng khách quan, tất yếu. Bài viết này tập trung phân tích và làm rõ xu hướng quốc tế hóa trong chính sách PLHS Việt Nam đối với các TPTN, đề xuất những định hướng và giải pháp phát triển cụ thể nhằm thúc đẩy mạnh mẽ xu hướng quan trọng này.*

*Từ khóa: Chính sách hình sự; pháp luật hình sự; quốc tế hóa; tội phạm; tham nhũng*  
*Ngày nhận bài: 21/01/2026; Biên tập xong: 15/02/2026; Duyệt đăng: 23/02/2026*

## THE INTERNATIONALIZATION TREND OF VIETNAMESE CRIMINAL LAW POLICY ON CORRUPTION OFFENCES

**Abstract:** Trends in improving Vietnamese criminal law policy on corruption crimes are built upon the key tasks of the Party and State. In the context of increasingly deep international integration, internationalization has become a dominant factor and an objective, inevitable trend. This article focuses on analyzing and clarifying the internationalization trend in Vietnamese criminal law policy regarding corruption offences; proposes specific directions and solutions to strongly promote this important trend.

**Keywords:** Criminal policy; criminal law; internationalization; crime; corruption

**Received:** Jan 21, 2026; **Editing completed:** Feb 15, 2026; **Accepted for publication:** Feb 23, 2026

### Đặt vấn đề

Chính sách PLHS Việt Nam về các TPTN là những phương hướng cơ bản có tính chất chỉ đạo của Nhà nước trong hoạt động xây dựng và áp dụng PLHS đối với các TPTN, đảm bảo sự ổn định của hệ thống PLHS, tăng cường việc bảo vệ các quyền và tự do của con người cũng như các lợi ích hợp pháp của xã hội và của Nhà nước bằng PLHS, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Hiện nay, nhu cầu tiếp tục hoàn thiện chính sách PLHS Việt Nam về các TPTN xuất phát từ những biến đổi sâu sắc diễn ra trong xã hội, từ đặc điểm của tình hình các TPTN ở nước ta và tính hiệu quả chưa cao của chính sách PLHS hiện hành của Việt Nam đối với nhóm tội phạm này<sup>1</sup>.

Các xu hướng hoàn thiện chính sách PLHS Việt Nam về các TPTN được xây dựng và phát triển từ các nhiệm vụ trọng tâm mà Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã đề ra, thể hiện tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Một trong những nhiệm vụ và giải pháp được thể hiện tại Nghị quyết này là “tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới... Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam. Hoàn thiện cơ chế và nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia”. Đồng thời, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong

\* Email: Nghiavietpham@gmail.com

Thạc sĩ, Nghiên cứu sinh, Giảng viên khoa Pháp luật hình sự và Kiểm sát hình sự, Trường Đại học Kiểm sát

\*\* Email: Phamtrungduc1310@gmail.com

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng

\*\*\* Email: Beansphong007@gmail.com

Sinh viên Trường Đại học Kiểm sát

<sup>1</sup> Tòa án nhân dân tối cao. (2024). Tài liệu Hội thảo “Góp ý đối với Dự thảo Báo cáo đánh giá thực trạng xét xử các vụ án tham nhũng tại Việt Nam và đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác xét xử”. tr. 12.

kỷ nguyên mới tiếp tục nhấn mạnh các nhiệm vụ liên quan. Nghị quyết đặt ra mục tiêu đến năm 2045 là “Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến” và đặc biệt, nhấn mạnh giải pháp “coi trọng, chủ động nghiên cứu chiến lược, chính sách từ sớm, từ thực tiễn, từ kinh nghiệm của thế giới, góp phần tăng cường tính dự báo và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật”. Do vậy, trong bối cảnh hiện nay, quốc tế hóa được xem là một xu thế tất yếu, đóng vai trò trung tâm trong việc nâng cao khả năng ứng phó của Việt Nam trước các vấn đề pháp lý mang tính toàn cầu.

### 1. Nhận thức chung về xu hướng quốc tế hóa của chính sách pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tham nhũng

Quốc tế hóa chính sách PLHS là quá trình điều chỉnh, hài hòa hoặc tích hợp PLHS của một quốc gia với các tiêu chuẩn, nguyên tắc hoặc thông lệ pháp lý quốc tế<sup>2</sup>. Đây là một trong những xu hướng phát triển của chính sách hình sự, đặc biệt trong điều kiện toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, “được hình thành dưới sự tác động của toàn cầu hóa nói chung, toàn cầu hóa về pháp luật nói riêng và của sự tác động lẫn nhau của hệ thống pháp luật quốc gia, pháp luật khu vực và pháp luật quốc tế”<sup>3</sup>. Quá trình này nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa các quốc gia, đảm bảo tính nhất quán trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và hỗ trợ các quốc gia tham gia hiệu quả hơn vào hệ thống pháp luật toàn cầu.

Nội dung cơ bản của xu hướng quốc tế hóa chính sách PLHS Việt Nam về các TPTN được thể hiện rõ nét ở tính hài hòa hóa và nhất thể hóa chính sách PLHS Việt Nam trong phạm vi toàn cầu, nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng và đấu tranh hiệu quả với loại tội phạm có tính chất xuyên quốc gia này. Tính hài hòa hóa được phản ánh qua việc Việt Nam tiếp thu có chọn lọc các chuẩn mực pháp lý quốc tế, đặc biệt là các điều ước quốc tế về hình sự mà Việt Nam là thành viên, chẳng hạn như Công ước của Liên hợp quốc về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (CTOC), Công

ước của Liên hợp quốc về Chống tham nhũng (UNCAC)..., để xây dựng và hoàn thiện chính sách PLHS phù hợp với thực tiễn trong nước. Trong khi đó, tính nhất thể hóa thể hiện ở sự đồng bộ và thống nhất giữa pháp luật quốc gia với các cam kết quốc tế, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng.

So với các Bộ luật Hình sự trước đây, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015) đã bổ sung thêm một số quy định tại Phần các quy định chung theo hướng hạn chế phạm vi miễn trách nhiệm hình sự (TNHS), miễn hình phạt, tăng tính nghiêm khắc với một số loại tội phạm như bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 28 về không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS đối với các tội phạm thuộc quy định tại khoản 3 và khoản 4 các điều 353 và 354 (Tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ), Điều 61 về không áp dụng thời hiệu thi hành bản án đối với các tội phạm quy định tại khoản 3 và khoản 4 các điều 353 và 354 (Tội tham ô tài sản và Tội nhận hối lộ), bổ sung các dấu hiệu định tội, dấu hiệu định khung hình phạt và chủ thể mới thuộc lĩnh vực tư tại các điều 353, 354, 364 và 365 và gần đây nhất, đã bãi bỏ hình phạt tử hình đối với các tội tham ô tài sản và nhận hối lộ<sup>4</sup>... Những nội dung này không chỉ thể hiện quan điểm của Nhà nước về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng thông qua những quy định cụ thể của BLHS, mà còn thể hiện tinh thần nội luật hóa các điều ước quốc tế về hình sự liên quan đến phòng, chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên<sup>5</sup>.

Bên cạnh đó, thực tiễn áp dụng PLHS đối với các TPTN cũng cho thấy xu hướng quốc tế hóa ngày càng rõ rệt. Các vụ án lớn liên quan đến tham nhũng trong những năm gần đây, như vụ án tại Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Ngân hàng SCB và các đơn vị liên quan, vụ án “chuyến bay giải cứu”, hay vụ án xảy ra tại Công ty Cổ phần Công nghệ Việt Á... không chỉ được xử lý dựa trên những quy định của pháp luật Việt Nam, mà còn có sự tham khảo

<sup>2</sup> Trần, Đ. H. (2020). *Quốc tế hóa PLHS trong bối cảnh toàn cầu hóa* (tr. 23). Nhà xuất bản Công an Nhân dân.

<sup>3</sup> Võ, K. V. (2021). *Chính sách pháp luật - Những vấn đề lý luận và thực tiễn* (tr. 518). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

<sup>4</sup> Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 2015.

<sup>5</sup> Trịnh, T. V. (Chủ biên) (2020). *Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức cách mạng công nghiệp 4.0* (tr. 77). Nhà xuất bản Tư pháp.

và phối hợp với các cơ quan điều tra của các quốc gia khác để thu thập chứng cứ, truy vết tài sản thất thoát ra nước ngoài. Điều này minh chứng cho nỗ lực của Việt Nam trong việc đưa chính sách PLHS hội nhập với các cơ chế toàn cầu, đồng thời khẳng định cam kết mạnh mẽ trong việc thực thi các nghĩa vụ quốc tế về phòng, chống tham nhũng. Qua đó, chính sách PLHS Việt Nam không chỉ có giá trị trong phạm vi quốc gia mà còn góp phần xây dựng một mặt trận chung phòng, chống tham nhũng trên bình diện quốc tế.

Sự phát triển của xu hướng quốc tế hóa bắt nguồn từ các nguyên nhân chính sau đây:

*Thứ nhất*, lý do pháp lý bắt nguồn từ các nghĩa vụ quốc tế mà Việt Nam cam kết khi tham gia các điều ước đa phương và song phương về hình sự. Các điều ước quốc tế, đặc biệt là UNCAC, thiết lập các tiêu chuẩn chung mà các quốc gia thành viên cần tuân thủ nhằm đảm bảo hiệu quả trong việc ngăn chặn và đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Những tiêu chuẩn này đặt ra yêu cầu xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý hình sự để điều chỉnh các hành vi tham nhũng, buộc Việt Nam phải điều chỉnh chính sách PLHS, đặc biệt là các quy định trong BLHS, để phù hợp với chuẩn mực quốc tế, từ việc xác định hành vi phạm tội, các chế tài hình sự tương xứng, các biện pháp xử lý khác ngoài hình phạt, đến việc thiết kế các cơ chế tương trợ tư pháp cũng như thu hồi tài sản...

*Thứ hai*, lý do thực tiễn xuất phát từ bản chất xuyên quốc gia của các TPTN trong bối cảnh toàn cầu hóa. Khi Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, các giao dịch quốc tế gia tăng kéo theo nguy cơ tham nhũng liên quan đến các doanh nghiệp nước ngoài, quan chức nước ngoài, hoặc tài sản chuyển dịch ra nước ngoài... Những hành vi này vượt ra khỏi phạm vi quản lý của pháp luật quốc gia, đòi hỏi một khuôn khổ pháp lý rộng hơn có khả năng phối hợp với các quốc gia khác trong khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Chẳng hạn, yêu cầu truy vết và thu hồi tài sản tham nhũng thất thoát ra nước ngoài theo UNCAC đã thúc đẩy Việt Nam xây dựng các cơ chế pháp lý phù hợp, phản ánh sự cần thiết của xu hướng quốc tế hóa để đối phó với các thách thức thực tế.

*Thứ ba*, lý do chiến lược liên quan đến uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Là thành viên của nhiều tổ chức và điều ước

đa phương, Việt Nam phải chứng minh năng lực hội nhập và khả năng thực hiện các cam kết quốc tế, không chỉ để đáp ứng yêu cầu pháp lý mà còn để củng cố hình ảnh một quốc gia có trách nhiệm. Việc quốc tế hóa chính sách PLHS về các TPTN cũng góp phần nâng cao uy tín ngoại giao, tạo điều kiện thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy hợp tác kinh tế<sup>6</sup>. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam hướng tới những vai trò quan trọng và tích cực hơn trong cộng đồng quốc tế.

*Cuối cùng*, sự phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập của Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng. Khi nền kinh tế mở cửa, các mối quan hệ kinh tế quốc tế phức tạp hơn đã tạo ra những dạng tham nhũng mới, chẳng hạn như những hành vi tham nhũng liên quan đến pháp nhân. Điều này dẫn đến việc Việt Nam phải tiếp thu các chuẩn mực quốc tế, như quy định về TNHS của pháp nhân trong BLHS để đáp ứng yêu cầu quản lý trong thời kỳ hội nhập.

Như vậy, chính sách PLHS Việt Nam về các TPTN ngày càng mang tính quốc tế hóa do sự kết hợp của các yếu tố pháp lý từ cam kết quốc tế, nhu cầu thực tiễn từ bản chất tội phạm xuyên quốc gia, mục tiêu chiến lược nâng cao vị thế quốc gia, và động lực từ quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Những lý do này không chỉ thúc đẩy sự điều chỉnh chính sách PLHS mà còn khẳng định đây là xu hướng tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

## **2. Những định hướng phát triển cụ thể nhằm thúc đẩy xu hướng quốc tế hóa chính sách pháp luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tham nhũng**

### **2.1. Tội phạm hóa một số hành vi tham nhũng - Tội phạm hóa hành vi "làm giàu bất chính":**

Làm giàu bất chính, hiểu theo nghĩa rộng là việc giàu có hoặc gia tăng tài sản một cách đáng kể mà không lý giải được nguồn gốc hợp pháp của tài sản đó. Ở góc độ hẹp hơn, UNCAC định nghĩa làm giàu bất hợp pháp là tài sản của công chức tăng lên một cách đáng kể so với thu nhập hợp pháp của họ mà không giải thích được một cách hợp lý cho việc tăng tài sản đó (Điều 20). Trên thực tế, phần lớn các tài sản này có thể có nguồn gốc từ tham nhũng, tội phạm có tổ chức hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác. Do đó, việc tội phạm hóa hành vi này sẽ

<sup>6</sup> Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

giúp ngăn chặn, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng một cách hiệu quả hơn.

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã tội phạm hóa hành vi làm giàu bất hợp pháp để xử lý các quan chức không trung thực và những người có liên quan đến hoạt động phi pháp như Singapore, Philipines, Malaysia, Hong Kong, Mexico, Argentina... Tội phạm hóa hành vi này theo tinh thần của UNCAC chính là một phương thức để có cơ sở thực hiện việc tịch thu tài sản trên cơ sở kết án, khi mà việc kết án các tội phạm tham nhũng có tính truyền thống như tham ô tài sản hay hối lộ vốn rất khó khăn và chưa có hiệu quả<sup>7</sup>. Tuy nhiên, PLHS Việt Nam vẫn chưa có quy định cụ thể về việc xử lý hình sự đối với hành vi này. Điều này đặt ra thách thức trong việc kiểm soát các nguồn tài sản không rõ ràng và truy cứu TNHS đối với những đối tượng có dấu hiệu làm giàu bất hợp pháp nhưng chưa chứng minh được hành vi phạm tội cụ thể.

Theo khuyến nghị của UNCAC, chủ thể của hành vi làm giàu bất hợp pháp chủ yếu là công chức, bởi họ là những người có quyền lực và trách nhiệm trong quản lý tài sản công, dễ bị lợi dụng để trục lợi cá nhân. Tuy nhiên, trong bối cảnh của Việt Nam, phạm vi chủ thể cần được mở rộng hơn để đảm bảo tính toàn diện trong kiểm soát tham nhũng và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan. Các đối tượng có thể bị xem xét bao gồm công chức, viên chức, cũng như người lao động trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau (Nhà nước, tư nhân, nước ngoài...) nếu họ có sự gia tăng tài sản đáng kể ngoài thu nhập hợp pháp mà không thể giải trình hợp lý. Việc mở rộng phạm vi chủ thể sẽ giúp tăng cường tính răn đe và hạn chế tối đa những lỗ hổng pháp lý có thể bị các cá nhân và tổ chức lợi dụng.

- *Tội phạm hóa hành vi “đòi hối lộ”:*

Nhận hối lộ quy định tại Điều 15(b) UNCAC là hành vi “*đòi hoặc nhận một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân công chức hay cho người hoặc tổ chức khác, để công chức làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ*”. Như vậy, ngoài hành vi “nhận một lợi ích không chính đáng...”, nhận hối lộ còn có thể bao gồm hành vi “*đòi một lợi ích không chính đáng cho*

chính bản thân công chức hay cho người hoặc tổ chức khác, để công chức làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ”. Đây là hành vi khiến cho người khác biết một cách rõ ràng hoặc ngụ ý rằng người đó sẽ phải trao lợi ích cho công chức đó để họ làm hoặc không làm một việc mà người đó mong muốn. Hành vi “đòi hối lộ” sẽ cấu thành tội nhận hối lộ, kể cả khi người được yêu cầu đưa hối lộ chưa nhận được lời đòi hối lộ. Công ước không đòi hỏi hành vi nhận hối lộ và đưa hối lộ phải có sự thỏa thuận trước của hai bên.

Có thể thấy, tính chất của hành vi “nhận hối lộ” được đề cập tại Điều 15(b) UNCAC rộng hơn so với quy định của BLHS năm 2015. Công ước quy định nhận hối lộ là hành vi “*đòi hoặc nhận một lợi ích không chính đáng của công chức*”. Trong khi đó, theo quy định tại Điều 354 BLHS thì nhận hối lộ chỉ bao gồm hành vi “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ*”. Theo đó, giữa người nhận hối lộ và người đưa hối lộ đã tồn tại một thỏa thuận trái pháp luật: Người nhận hối lộ nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích vật chất hoặc phi vật chất nào đó từ người đưa hối lộ, còn người đưa hối lộ thì đưa lợi ích vật chất hoặc phi vật chất cho người nhận để đổi lấy việc làm hay không làm một việc nào đó của người nhận. Như vậy, hai bên đã có sự thỏa thuận, thống nhất về của hối lộ cũng như phương thức, thời gian, thời điểm... đưa và nhận hối lộ. Trên thực tế, có trường hợp việc nhận hối lộ không phải do thỏa thuận giữa hai bên mà chính là do sự áp đặt ý chí từ một bên, đó chính là hành vi “đòi hối lộ” của người nhận hối lộ. Đây là trường hợp người nhận hối lộ chủ động đòi hỏi của hối lộ, áp đặt lên ý chí của người đưa hối lộ để có thể đạt được việc như người đưa mong muốn, thậm chí áp đặt phương thức, thời gian, địa điểm... để nhận của hối lộ. Tuy nhiên, hành vi “đòi hối lộ” hiện nay chỉ đang được quy định là một dấu hiệu định khung hình phạt tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 354 BLHS. Điều này dẫn đến bất cập là chưa đáp ứng được yêu cầu của việc xây dựng cấu thành tội phạm cơ bản của tội phạm này, vì theo nguyên tắc, hành vi trước tiên phải thỏa mãn cấu thành tội phạm cơ bản, rồi mới

<sup>7</sup>Đào, L. T. (2022). Kinh nghiệm lập pháp trên thế giới về xử lý hành vi làm giàu bất chính và những đề xuất cho Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, số 03, 79.

xem xét đến dấu hiệu định khung tăng nặng. Điều này có nghĩa, phải có hành vi nhận hoặc sẽ nhận của hối lộ trước rồi mới xem xét chủ thể có hành vi đòi hối lộ hay không để xem xét áp dụng dấu hiệu định khung tăng nặng ở khoản 2. Dù vậy, thực tế có thể xảy ra trường hợp việc nhận hối lộ xảy ra sau khi người có chức vụ, quyền hạn đã hoàn thành xong công việc theo yêu cầu của người đưa, hành vi “nhận hoặc sẽ nhận hối lộ” là hành vi tiếp theo của hành vi “đòi hối lộ”. Hay nói cách khác, hành vi “đòi hối lộ” đã bao hàm cả hành vi “nhận và sẽ nhận hối lộ”.

Như vậy, BLHS năm 2015 chưa quy định “đòi hối lộ” là hành vi khách quan của tội nhận hối lộ để tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi “nhận hoặc sẽ nhận hối lộ”. Do đó, tác giả đề xuất bổ sung tội “đòi hối lộ” vào nhóm các TPTN, với loại và mức hình phạt tương xứng hoặc cao hơn so với hình phạt của tội nhận hối lộ.

### **2.2. Sửa đổi nội dung cấu thành tội phạm cơ bản của Tội nhận hối lộ**

Trong PLHS của một số quốc gia, người có chức vụ, quyền hạn nếu nhận tiền hoặc tài sản có giá trị nhất định thì đã đủ yếu tố cấu thành tội nhận hối lộ mà không cần chứng minh mục đích của hành vi nhận tiền hoặc tài sản đó. Cách tiếp cận này nhằm ngăn chặn các hình thức biểu tặng quà có giá trị, vốn có thể được sử dụng để che giấu hành vi đưa và nhận hối lộ. Việc loại bỏ yêu cầu chứng minh mục đích của hành vi nhận hối lộ giúp đơn giản hóa quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, đồng thời tăng cường tính răn đe và phòng ngừa tham nhũng.

Nhiều quốc gia đã áp dụng các quy định chặt chẽ theo hướng này để xử lý tội nhận hối lộ mà không phụ thuộc vào việc chứng minh mục đích. Chẳng hạn, tại Hoa Kỳ, Đạo luật về các hành vi tham nhũng ở nước ngoài không chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp Mỹ mà còn mở rộng phạm vi ra quốc tế, quy định rằng việc quan chức nhận quà tặng hoặc lợi ích từ các bên liên quan có thể bị coi là hối lộ, bất kể có chứng minh được động cơ hay ảnh hưởng cụ thể đến quyết định công vụ hay không, miễn là hành vi đó vi phạm các quy tắc đạo đức công chức. Tại Hàn Quốc, Luật Chống tham nhũng (còn gọi là Luật Kim Young-ran, có hiệu lực từ ngày 29/8/2016) quy định một ngưỡng cụ thể về giá

trị quà tặng, tiền hiếu hỷ và giá trị bữa ăn được thiết đãi mà công chức được phép nhận (không được vượt quá 1.000.000 won hoặc tổng giá trị quà tặng trong một năm không được vượt quá 3.000.000 won) và bất kỳ khoản nào vượt mức này, đều có thể bị xử lý hình sự, bất kể mục đích của người tặng hay người nhận là gì, nhằm xây dựng văn hóa liêm chính trong khu vực công.

Từ kinh nghiệm quốc tế, PLHS Việt Nam có thể xem xét sửa đổi quy định về tội nhận hối lộ theo hướng không yêu cầu chứng minh mục đích phạm tội, thay vào đó tập trung vào các dấu hiệu thuộc mặt khách quan như hành vi nhận tiền, tài sản vượt ngưỡng pháp luật cho phép từ người có chức vụ, quyền hạn. Các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ cần chứng minh rằng, người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn mà mình được giao để nhận lợi ích vật chất bất hợp pháp, chẳng hạn thông qua việc đối chiếu giá trị tài sản với thu nhập hợp pháp hoặc kiểm tra tính minh bạch của giao dịch, mà không cần chứng minh động cơ phạm tội - điều vốn thường bị các đối tượng che giấu bằng những lý do nguy tạo như “quà tặng”. Điều này giúp hạn chế tình trạng các đối tượng lợi dụng kẽ hở của pháp luật để trốn tránh việc bị xử lý hình sự.

### **2.3. Quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại**

Theo Điều 76 BLHS, pháp nhân thương mại chỉ có thể phải chịu TNHS về 33 tội phạm quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 200, 203, 209, 210, 211, 213, 216, 217, 225, 226, 227, 232, 234, 235, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 245, 246, 300 và 324 BLHS. Các tội phạm này thuộc các chương: Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường và các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh phòng, chống các TPTN cho thấy, trên thực tế đã xuất hiện nhiều hành vi của các pháp nhân thương mại vì muốn giành được các lợi thế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đấu thầu, nhận được nguồn tài trợ... nên đã thực hiện một số hành vi như đưa hối lộ cho người có chức vụ, quyền hạn<sup>8</sup>. Điều này đồng nghĩa với việc, nếu một pháp nhân thương mại thực hiện các hành vi tham nhũng nói chung và

<sup>8</sup> Doãn, T. Đ. (2017). *CSPLHS Việt Nam đối với các tội phạm về chức vụ* [Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam], 132.

các hành vi liên quan đến hối lộ nói riêng thỏa mãn các quy định về điều kiện truy cứu TNHS tại Điều 75 BLHS thì cũng không bị coi là tội phạm. Mặc dù các cơ quan chức năng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đã tích cực xử lý bằng các biện pháp hành chính, dân sự, kinh tế (quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật Dân sự...) nhưng các biện pháp xử lý này trong thực tế đã không phát huy hiệu quả do còn gặp nhiều khó khăn trong việc chứng minh hành vi vi phạm, làm rõ hậu quả thiệt hại do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra.

Việc truy cứu TNHS của pháp nhân trong các trường hợp này là rất cần thiết vì người thực hiện hành vi phạm tội (như: Giám đốc điều hành, người đại diện...) chỉ là người làm thuê, là người triển khai thực hiện quyết định, chính sách của cả tập thể (Hội đồng quản trị, Ban giám đốc...) hoặc của những người chủ thực sự của công ty, doanh nghiệp. Các cá nhân này thực hiện hành vi phạm tội nhân danh và vì lợi ích của pháp nhân hoặc ít nhất là hành vi đó được pháp nhân chấp nhận và chịu sự kiểm soát của pháp nhân mà người đó là thành viên. Lợi ích bất hợp pháp thu được không phải của cá nhân họ mà thực chất là của pháp nhân. Vì vậy, nếu PLHS chỉ quy định cá nhân đại diện cho pháp nhân chịu TNHS, còn pháp nhân được hưởng lợi từ hành vi đó mà không phải chịu TNHS là thiếu đi sự công bằng cho cá nhân thực hiện hành vi phạm tội (theo quyết định của tập thể và vì lợi ích của pháp nhân).

Bên cạnh những đánh giá thực tiễn về đấu tranh phòng, chống TPTN ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở nghiên cứu quy định trong một số điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia về phòng, chống tham nhũng như UNCAC, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), có thể thấy các điều ước quốc tế này đều đưa ra khuyến nghị cho các quốc gia thành viên nên có các biện pháp cụ thể để quy định TNHS của pháp nhân khi thực hiện các hành vi liên quan đến hối lộ; yêu cầu mỗi bên tham gia phải đảm bảo rằng pháp nhân phải chịu chế tài hình sự hoặc chế tài phi hình sự để nhằm mục đích phòng ngừa các hành vi này. Trên cơ sở quy định của UNCAC, PLHS của nhiều nước trên thế giới đã quy định TNHS của pháp nhân đối với các TPTN trong lĩnh vực tư như Anh, Pháp, Mỹ,

Canada, Australia, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Phần Lan, Vương quốc Bỉ, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha... Trong khu vực Châu Á, một số quốc gia cũng đã ghi nhận TNHS của pháp nhân đối với các TPTN trong lĩnh vực tư như Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore<sup>9</sup>...

Chính vì vậy, xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và các yêu cầu, cam kết trong các điều ước quốc tế, chính sách PLHS Việt Nam cần mở rộng phạm vi truy cứu TNHS đối với pháp nhân thương mại khi thực hiện các TPTN, cụ thể đối với tội nhận hối lộ nhằm đảm bảo sự công bằng và nghiêm minh.

### 2.4. Mở rộng khả năng áp dụng các hình phạt không tước tự do

Ở Việt Nam, trong chiến lược cải cách tư pháp cũng cho thấy “giảm hình phạt tù” là một xu hướng cụ thể của chính sách PLHS, cùng với yêu cầu “mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm”<sup>10</sup>.

Hiện nay, trong các quy định của BLHS năm 2015 về các TPTN, chỉ duy nhất tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356) quy định hình phạt cải tạo không giam giữ là loại hình phạt chính nhẹ hơn hình phạt tù. Ngoài ra, các loại hình phạt cảnh cáo, phạt tiền (với tư cách là hình phạt chính) không được quy định trong bất kỳ tội phạm cụ thể nào của nhóm tội này. Tòa án ngoài quy định tại khoản 1 Điều 356 BLHS, chỉ có duy nhất “kênh” quy định tại Điều 54 để có thể quyết định hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn hình phạt tù.

Tham khảo kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia khác cho thấy, đa số các quốc gia đều quy định thêm các loại hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù. Ví dụ, BLHS Liên bang Nga không quy định hình phạt tử hình và tù chung thân đối với các TPTN. Hình phạt tiền là hình phạt thường được Tòa án ưu tiên áp dụng, sau đó mới đến các loại hình phạt khác. Bởi lẽ, quan điểm của các nhà làm luật Nga cho rằng đối với các TPTN, việc xử phạt bằng chế tài phạt tiền sẽ mang lại hiệu quả hơn so với các loại hình phạt khác<sup>11</sup>. Trong BLHS của Cộng hòa Liên

<sup>9</sup> Lưu, T. H. (2018). TPTN trong lĩnh vực tư theo Công ước UNCAC và vấn đề hoàn thiện BLHS Việt Nam. <https://tapchitoaan.vn/toi-pham-tham-nhung-trong-linh-vuc-tu-theo-cong-uoc-uncac-va-van-de-hoan-thien-blhs-viet-nam>.

<sup>10</sup> Trịnh, T. V. (Chủ biên) (2020), Tlđđ, tr. 57.

<sup>11</sup> Nguyễn, T. N. L. (2023). Quy định TNHS đối với TPTN

bang Đức, các TPTN được quy định từ Điều 331 đến Điều 357, trong đó các tội phạm này đều quy định hình phạt tiền vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung<sup>12</sup>. Tương tự đối với BLHS của một số quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan, phạt tiền là hình phạt chính được áp dụng song song với hình phạt tù đối với người phạm tội<sup>13</sup>. Trong khi đó, BLHS Việt Nam chỉ quy định phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với nhóm tội phạm này và chỉ được quy định theo hướng tùy nghi áp dụng.

Do đó, tham khảo kinh nghiệm lập pháp của nhiều quốc gia trên thế giới, tác giả kiến nghị bổ sung hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ vào các khung hình phạt cơ bản (tại khoản 1) của các TPTN. Quy định này vừa thể hiện sự hài hòa giữa chính sách nghiêm trị và chính sách nhân văn, vừa có tác dụng làm “mềm mại hóa” các quy định tại Mục 1 Chương XXIII của BLHS, giảm bớt tính chất “nặng nề” của BLHS Việt Nam nói chung và các TPTN nói riêng.

Một lý do quan trọng không kém trong đường lối xử lý nhóm tội phạm này, đó là Nhà nước ta đưa mục tiêu thu hồi tài sản tham nhũng đặt lên hàng đầu, nhằm khắc phục tình trạng bỏ trốn, chấp nhận đi tù, thậm chí chấp nhận bị tử hình, tài sản mất đi cho xã hội không có khả năng thu hồi, nhất là mất mát tài sản do hành vi tham nhũng gây ra không thể bù đắp là yếu tố làm cản trở sự phát triển của xã hội. Do đó, chú trọng áp dụng và mở rộng phạm vi các loại hình phạt thay thế cho hình phạt tù cần được cụ thể hóa cả trên phương diện lập pháp và trên phương diện áp dụng pháp luật.

### Kết luận

Việc thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách là quốc gia thành viên của các điều ước quốc tế về hình sự, cũng như việc kịp thời tiếp cận những xu thế cải cách chính sách pháp luật của các quốc gia trên thế giới, là một xu hướng phát triển tất yếu của chính sách PLHS Việt Nam về các TPTN. Tuy nhiên, xu hướng này cũng đồng thời đặt ra không ít thách thức đối

với các nhà lập pháp, nhà áp dụng pháp luật và các nhà khoa học trong quá trình nghiên cứu về chính sách, pháp luật. Qua những phân tích nêu trên, có thể khẳng định xu hướng quốc tế hóa là một trong những yếu tố tác động sâu rộng và mạnh mẽ đến chính sách PLHS Việt Nam về các TPTN. Xu hướng này được hình thành và thúc đẩy bởi các cam kết quốc tế, nhu cầu thực tế xuất phát từ đặc điểm xuyên quốc gia của loại tội phạm này, mục tiêu chiến lược nhằm nâng cao uy tín quốc gia, cùng với động lực từ sự phát triển kinh tế - xã hội. Tác động của xu hướng quốc tế hóa không chỉ mang lại những kết quả tích cực mà còn mở ra nhiều cơ hội mới cho sự phát triển của chính sách hình sự Việt Nam nói chung, chính sách PLHS về các TPTN nói riêng, và đồng thời cũng đặt ra những thách thức, đòi hỏi tiếp theo đối với việc hoàn thiện chính sách, pháp luật của nước ta./.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Doãn, T. Đ. (2017). *Chính sách PLHS Việt Nam đối với các tội phạm về chức vụ* [Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam].
2. Trần, Đ. H. (2020). *Quốc tế hóa PLHS trong bối cảnh toàn cầu hóa*. Nhà xuất bản Công an Nhân dân.
3. Lưu, T. H. (2018). TPTN trong lĩnh vực tư theo Công ước UNCAC và vấn đề hoàn thiện BLHS Việt Nam. <https://tapchitoaan.vn/toi-pham-tham-nhung-trong-linh-vuc-tu-theo-cong-uoc-uncac-va-van-de-hoan-thien-blhs-viet-nam>.
4. Luật Chống tham nhũng Kim Young Ran. <https://hanquocgaynay.info/thong-tin/luat-kim-young-ran/>.
5. Nguyễn, T. N. L. (2023). Quy định TNHS đối với TPTN của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/quy-dinh-trach-nhiem-hinh-su-doi-voi-toi-pham-tham-nhung-cua-mot-so-nuoc-tren-the-gioi-va-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam-1689873064.html>.
6. Tòa án nhân dân tối cao (2024). Tài liệu Hội thảo “Góp ý đối với Dự thảo Báo cáo đánh giá thực trạng xét xử các vụ án tham nhũng tại Việt Nam và đề xuất khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả công tác xét xử”.
7. Đào, L. T. (2020). Xu hướng quốc tế hóa của luật hình sự Việt Nam và vấn đề đặt ra cho lập pháp hình sự. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, 12(412).
8. Đào, L. T. (2022). Kinh nghiệm lập pháp trên thế giới về xử lý hành vi làm giàu bất chính và những đề xuất cho Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, 03.
9. Tòa án nhân dân tối cao (2023). *Báo cáo tổng kết công tác xét xử giai đoạn 2018-2022*.
10. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011). *BLHS Liên bang Đức*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.
11. Trịnh, T. V. (Chủ biên) (2020). *Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức cách mạng công nghiệp 4.0*. Nhà xuất bản Tư pháp.
12. Võ, K. V. (2021). *Chính sách pháp luật - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*. <https://lsvn.vn/quy-dinh-trach-nhiem-hinh-su-doi-voi-toi-pham-tham-nhung-cua-mot-so-nuoc-tren-the-gioi-va-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam-1689873064.html>.

<sup>12</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội (2011). *BLHS Liên bang Đức*. Nhà xuất bản Công an nhân dân.

<sup>13</sup> Điều 20 BLHS Thái Lan.